TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VIỆT YÊN** **TỈNH BẮC GIANG** Bản án số: 50/2019/HS-ST Ngày: 05-07-2019	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VIỆT YÊN, TỈNH BẮC GIANG.

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà*: Bà Lương Thị Thanh Quyên
- *Các Hội thẩm nhân dân*: Ông Hoàng Văn Tấn – Cán bộ hưu trí;
Bà Nguyễn Thị Lại – Cán bộ hưu trí;
- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Đoàn Thị Thúy Nga – Thư ký TAND huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang
- ***Đại diện VKSND huyện Việt Yên tham gia phiên toà***: Bà Nguyễn Thị Thùy – Kiểm sát viên.

Trong ngày 05/7/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Việt Yên tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 50/2019/HSST ngày 04/6/2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử 46/2019/QĐXXST – HS ngày 24/06/2019, đối với bị cáo:

Họ và tên: **Vũ Trọng S** sinh năm 1988;

Nơi ĐKHKTT: Thôn T, xã T, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa;

Nơi ở hiện nay: Số 513/20, đường P, phường 15, quận T, thành phố Hồ Chí Minh.

Nghề nghiệp: Lao động tự do. Trình độ học vấn: 12/12.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không;

Bố đẻ: Vũ Đức T, sinh năm 1966, nghề nghiệp: Làm ruộng;

Mẹ đẻ: Nguyễn Thị M, sinh năm 1967, nghề nghiệp: Làm ruộng;

Gia đình có hai anh em, bị cáo là con thứ hai;

Vợ, con: chưa có

Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo đầu thú, bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 21/12/2018 đến 18/01/2019, được thay thế biện pháp ngăn chặn, hiện tại ngoại và có mặt tại phiên tòa.

-*Bị hại*:

Anh Phạm Văn T– Sinh năm 1991(Vắng mặt)

Địa chỉ: Số 422, đường H, khu II, thị trấn B, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang.

-Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1.Ông Vũ Đức T– Sinh năm 1966(Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

2. Chị Nguyễn Thị H – Sinh năm 1995

Đại diện theo ủy quyền: Anh Phạm Văn T– Sinh năm 1991(Vắng mặt)

Địa chỉ: Số 422, đường H, khu II, thị trấn B, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vũ Trọng S sinh năm 1988, trú tại: thôn T, xã T, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa làm nghề bán máy làm bánh. Để phục vụ công việc, S lập một tài khoản Facebook có tên là *"Sy Trong Vu"* để liên lạc với bạn bè và tham gia hội nhóm *"Anh em bánh mỳ bánh ngọt"* trên mạng xã hội Facebook. Khoảng cuối tháng 10/2018 (S khai không nhớ ngày), S sử dụng tài khoản Facebook trên đăng bán một chiếc máy làm bánh (lò nướng bánh) trên hội nhóm *"Anh em bánh mỳ bánh ngọt"* thì có tài khoản Facebook *"Joa Kim T"* của anh Phạm Văn T, sinh năm 1991, trú tại Khu II, TT B, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang đã nhắn đặt vấn đề mua máy làm bánh. Sau đó S và anh T thống nhất mua bán chiếc máy làm bánh này với giá 26.000.000 đồng (hai mươi sáu triệu đồng). Sau khi thỏa thuận, S yêu cầu anh T chuyển tiền mua máy vào tài khoản mình, anh T đồng ý và chuyển vào tài khoản 1606206060317 mang tên Vũ Trọng S của ngân hàng Agribank số tiền 26.000.000 đồng (hai mươi sáu triệu đồng). Nhận được tiền, S chuyển cho anh T chiếc máy làm bánh theo thỏa thuận. Sau khi mua bán thành công, anh T đặt vấn đề với S là cần mua thêm máy. Buổi sáng ngày 12/11/2018, do cần tiền để tiêu sài cá nhân và trả nợ nên S nảy sinh ý định lừa đảo chiếm đoạt tiền của anh S. Để thực hiện ý định, T sử dụng tài khoản Facebook của mình là *"Sy Trong Vu"* nhắn tin qua ứng dụng Messenger của mạng xã hội Facebook cho anh T có tài khoản Facebook *"Joa Kim T"* với nội dung: S tìm được một lò nướng bánh Đài Loan 3 tầng 6 mâm còn mới do giá cao nên S không mua, nếu anh T có nhu cầu mua thì S mua hộ. Nhận được tin nhắn, anh T nhắn bảo S gửi cho xem ảnh lò nướng, thì S sử dụng hai ảnh máy làm bánh, một ảnh S chụp lại của khách hàng mua trước đó, một ảnh S chụp ở bãi chuyên bán các loại máy làm bánh để gửi cho anh T nhằm tạo lòng tin. Đồng thời, S báo giá chiếc lò nướng là 40.000.000 đồng (bốn mươi triệu đồng). Do đã giao dịch thành công trước đó, anh T tin nên nhờ S thương lượng với người bán hàng để giảm giá thì S nhắn tin thông báo cho anh T là người bán đồng ý giảm cho 2.000.000đồng (hai triệu đồng) và đề nghị anh T cho S thêm 500.000 đồng (năm trăm nghìn đồng) tiền xem và giữ lò nướng hộ anh T. Sau khi anh T đồng ý mua chiếc lò nướng với giá 38.500.000 đồng (ba mươi tám triệu năm trăm nghìn đồng), S yêu cầu anh T phải chuyển đủ số tiền nêu trên vào tài khoản tài khoản 1606206060317 của mình và tài khoản 060187607291 mang tên ông Vũ Đức Tcủa Ngân hàng Sacombank

(ông Vũ Đức T là bố của S, tài khoản này ông T không sử dụng nên S lấy để sử dụng). Khi cho anh T số tài khoản của bố mình, S nói dối anh T đó là tài khoản của bạn S. Buổi chiều ngày 12/11/2018, anh T đã chuyển trước 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng) từ tài khoản ngân hàng Vietcombank của mình có số tài khoản 0731000758415 vào tài khoản ngân hàng Sacombank mang tên Vũ Đức T bằng phần mềm Internet Banking trên điện thoại tại nhà của anh T. Ngày 13/11/2018, anh T nhờ vợ là chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1995 trú tại Khu II, TT B, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang đến ngân hàng Agribank chi nhánh Việt Yên chuyển số tiền 23.500.000 đồng (hai mươi ba triệu năm trăm nghìn đồng) vào tài khoản 1606206060317 của S. Sau khi nhận được tổng số 38.500.000 đồng, S nhắn tin nói dối anh T là sẽ chuyển máy vào ngày 16/11/2018, thực tế S không có chiếc máy này. Đến ngày 16/11/2018, do không nhận được máy như thỏa thuận nên anh T sử dụng số điện thoại **0986.432.863** của mình gọi vào số điện thoại **0917.538.639** của S giục giao hàng nhiều lần thì S đã tắt điện thoại, xóa tài khoản Facebook *"Sy Trong Vu"* nhằm cắt đứt liên lạc với anh T. Số tiền chiếm đoạt được, S trả nợ hết 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng), còn lại 18.500.000 đồng (mười tám triệu năm trăm nghìn đồng) chi tiêu cá nhân hết. Sau khi biết bị lừa, ngày 15/12/2018 anh T đã lập một tài khoản đăng trên trang web mua bán *"Chợ tốt"* đăng bán hai lò nướng và để lại số điện thoại **038.448.7014** của vợ mình là chị Huyền mục đích tìm S. Sau khi anh T đăng thông tin thì S dùng số điện thoại **0777.522.188** gọi vào số điện thoại **038.448.7014** của chị H đặt mua lò nướng, anh T điện nhận ra đó là giọng nói của S nên đã hẹn gặp vào lúc 08 giờ ngày 18/12/2018 tại Siêu thị Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh. Khoảng 08 giờ ngày 18/12/2018, S đến nơi hẹn gặp chị H thì anh T, chị H yêu cầu S trả 38.500.000 đồng (ba mươi tám triệu năm trăm nghìn đồng) đã chuyển mua máy trước đó, nhưng S không có tiền trả nên anh T cùng chị H yêu cầu S về Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Việt Yên để làm việc. Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Việt Yên, S đã đầu thú về hành vi lừa đảo chiếm đoạt số tiền 38.500.000 đồng (ba mươi tám triệu năm trăm nghìn đồng) của anh T.

Tại bản cáo trạng số 45/CT-VKSVY ngày 30/05/2019 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Việt Yên đã truy tố Vũ Trọng S ra trước Toà án nhân dân huyện Việt Yên để xét xử về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự 2015.

Tại phiên toà: Bị cáo Vũ Trọng S đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như cáo trạng đã truy tố. Viện kiểm sát truy tố bị cáo là không oan, bị cáo nhận thức được hành vi vi phạm pháp luật của mình là sai, bị cáo rất hối hận, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Bị hại, người liên quan vắng mặt tại phiên tòa. Hội đồng xét xử công bố lời khai của họ. Bị cáo không có ý kiến gì về những lời khai đó.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Việt Yên vẫn giữ nguyên quan điểm như cáo trạng đã truy tố. Sau khi phân tích tính chất vụ án, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Vũ Trọng S phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

-Áp dụng khoản 1 Điều 174; điểm b,i,s khoản 1,2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự 2015.

Xử phạt bị cáo Vũ Trọng S từ 15 tháng tù đến 18 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 30 đến 36 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo S cho UBND phường 15, quận T, thành phố Hồ Chí Minh giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Do bị cáo thu nhập không ổn định và không có tài sản riêng nên không cần áp dụng hình phạt tiền là hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại 38.500.000 đồng, không yêu cầu bị cáo S phải bồi thường gì thêm nên về trách nhiệm dân sự không xem xét trong vụ án này.

Về vật chứng:Áp dụng khoản 3 Điều 106 BLTTHS.

-Trả lại cho bị cáo S 01 thẻ ATM Ngân hàng Agribank có tên Vũ Trọng S số thẻ 4862829999542187.

- Trả lại cho bị cáo S 01 thẻ điện thoại Huawei nova 3^e màu xanh có số Imel 1867907030257222 bên trong lắp sim điện thoại 0777.522.188 nhưng được giữ lại để đảm bảo công tác thi hành án.

- Trả lại ông Vũ Đức T 01 thẻ ATM Ngân hàng Sacombank mặt sau thẻ có số 623.

Ngoài ra, cần áp dụng khoản 2 Điều 136 BLTTHS 2015; Điều 23 Nghị quyết 326/NQ – UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên toà. Căn cứ vào kết quả tranh luận, trên cơ sở xem xét đầy đủ và toàn diện các chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, lời khai của bị cáo, qua công bố lời khai của bị hại, người liên quan.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện Việt Yên, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Việt Yên, Kiểm sát viên trong quá trình Điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình Điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát và Kiểm sát viên đều hợp pháp.

[2]Tại phiên toà hôm nay, bị cáo Vũ Trọng S đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình gây ra. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, người liên quan và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó có đủ cơ sở kết luận: Do không có tiền ăn tiêu và trả nợ, Vũ Trọng Ssinh năm 1988 trú tại thôn T, xã T, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa đã sử dụng mạng xã hội Facebook, điện thoại di động đưa ra thông tin gian dối để anh Phạm Văn T, sinh năm 1991 ở Khu II, TT Bích Động, huyện Việt Yên tin tưởng đặt mua của S một lò nướng bánh Đài Loan 3 tầng 6 mâm với giá 38.500.000 đồng. Trong các ngày 12/11/2018 và ngày 13/11/2018, anh T chuyển qua tài khoản Ngân hàng cho S tổng số tiền 38.500.000 đồng, nhưng S không giao máy cho anh T theo thỏa thuận mà sử dụng số tiền này vào việc trả nợ và ăn tiên cá nhân hết. Sau đó, S tắt điện thoại, xóa tài khoản Facebook để chiếm đoạt số tiền 38.500.000 đồng của anh T.

[3] Như vậy hành vi của bị cáo Vũ Trọng S đã cấu thành tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản". Bị cáo đã tạo lòng tin, gian dối chiếm đoạt của bị hại số tiền 38.500.000 đồng. Do vậy, cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân huyện Việt Yên truy tố bị cáo về tội“ Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 174 BLHS 2015 là hoàn toàn có căn cứ.

[4] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác, làm mất trật tự trị an xã hội tại địa phương, nhất là trong thời gian gần đây, khi mạng xã hội phát triển thì thủ đoạn lừa đảo nhằm chiếm đoạt tài sản thông qua mạng xã hội ngày càng gia tăng. Do vậy, cần phải xử lý nghiêm bị cáo bằng pháp luật hình sự mới đảm bảo tính giáo dục riêng và phòng ngừa chung. Tuy nhiên khi lượng hình, Hội đồng xét xử cũng xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để quyết định mức án phù hợp với hành vi phạm tội của bị cáo.

[5] Về nhân thân: Bị cáo là người có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự.

[6] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

[7] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên toà hôm nay bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Đây là lần đầu tiên bị cáo phạm tội và lần phạm tội này của bị cáo thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Ngoài ra, sau khi phạm tội bị cáo đã tự nguyện khắc phục hậu quả và tự nguyện ra đầu thú, được bị hại xin giảm nhẹ hình phạt. Do vậy cần áp dụng điểm b, i, s khoản 1,2 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015 để giảm nhẹ hình phạt bị cáo.

[8] Xét tính chất mức độ, hành vi phạm tội, nhân thân bị cáo, điều luật đã viện dẫn. Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo lần đầu phạm tội, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú rõ ràng nên không cần phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội mà cho bị cáo hưởng án treo, cải tạo dưới sự giám sát, giáo dục của chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú cũng đủ để giáo dục bị cáo trở thành người tốt cho xã hội.

Do bị cáo thu nhập không ổn định, không có tài sản riêng nên không cần áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp.

[9] Về trách nhiệm dân dự: Bị hại đã nhận lại số tiền bị cáo chiếm đoạt và không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì thêm nên trách nhiệm dân sự không xem xét trong vụ án này.

[10] Về vật chứng:Áp dụng khoản 3 Điều 106 BLTTHS.

-Trả lại cho bị cáo S 01 thẻ ATM Ngân hàng Agribank có tên Vũ Trọng S số thẻ 4862829999542187.

- Trả lại cho bị cáo S 01 thẻ điện thoại Huawei nova 3^{e} màu xanh có số Imel 1867907030257222 bên trong lắp sim điện thoại 0777.522.188 nhưng được giữ lại để đảm bảo công tác thi hành án.

- Trả lại ông Vũ Đức T01 thẻ ATM Ngân hàng Sacombank mặt sau thẻ có số 623.

[10] Bị hại, người liên quan vắng mặt tại phiên toà nhưng đã có lời khai tại Cơ quan điều tra.Việc vắng mặt bị hại, người liên quan không ảnh hưởng đến việc xét xử cho nên Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự 2015.

Ngoài ra cần áp dụng Điều 23 Nghị quyết 326/NQ – UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án; khoản 2 Điều 136; các Điều 331,332,333 Bộ luật tố tụng hình sự để buộc bị cáo phải chịu án phí HSST và tuyên quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

-Tuyên bố bị cáo Vũ Trọng S phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

-Căn cứ khoản 1 Điều 174; điểm b,i,s khoản 1,2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự 2015;

Xử phạt: Bị cáo Vũ Trọng S 18 tháng tù về nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 36 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo S cho UBND phường 15, quận T, thành phố Hồ Chí Minh giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ hai lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

+Về vật chứng:Áp dụng khoản 3 Điều 106 BLTTHS.

-Trả lại cho bị cáo S 01 thẻ ATM Ngân hàng Agribank có tên Vũ Trọng S số thẻ 4862829999542187.

- Trả lại cho bị cáo S 01 thẻ điện thoại Huawei nova 3^{e} màu xanh có số Imel 1867907030257222 bên trong lắp sim điện thoại 0777.522.188 nhưng được giữ lại để đảm bảo công tác thi hành án.

- Trả lại ông Vũ Đức T01 thẻ ATM Ngân hàng Sacombank mặt sau thẻ có số 623.

+Về án phí và quyền kháng cáo: Áp dụng khoản 2 Điều 136 BLTTHS 2015; Điều 23 Nghị quyết 326/NQ – UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án; các Điều 331,332,333 Bộ luật tố tụng hình sự 2015. Buộc bị cáo S phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Báo cho bị cáo có mặt biết quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người liên quan vắng mặt biết quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt bản án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh (1 b);
-VKSND tỉnh Bắc Giang.
- VKSND huyện Việt Yên(2b);
- T.H.A.(4 b);
- Lưu HS.VP (1 b);
- Công an huyện Việt Yên;
- Bị cáo, bị hại, người liên quan.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

(Đã ký)

Lương Thị Thanh Quyên